

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

Bản án số: 104/2024/HS-ST
Ngày: 29/11/2024

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Trình

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Ngọc Hồng
2. Phạm Thị Kim Lan

-Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Lại Đức Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 82/2024/TLST-HS ngày 07/11/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 88/2024/QĐXXST-HS ngày 11/11/2024 đối với bị cáo:

Trần Minh K, sinh năm 1969 tại tỉnh Bến Tre; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số D, ấp N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: Nhà không sổ thuộc Tổ H, Ấp E, xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: lái xe; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D, sinh năm 1947 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1951; vợ: Lê Thị Mỹ T, sinh năm 1971; con: có 02 người con sinh năm 1999 và năm 2010; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 10/9/2024 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 9 năm 2014, Trần Minh K có nhu cầu sử dụng giấy phép lái xe Hạng D để làm tài xế lái xe tải nhưng K biết quá trình học thi để được cấp giấy phép lái xe vất vả và khó khăn nên K liên hệ với nam thanh niên tên V (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể và đầy đủ) gặp nhau tại khu vực Phường A (nay là phường A), thành phố B, tỉnh Bến Tre. V nói có quen biết có thể nhờ người thi hộ giấy

phép lái xe Hạng D cho K, K đồng ý nhờ V. V lấy tiền phí là 10.000.000 đồng. Sau khi V nhận tiền thì khoảng một tháng sau V liên hệ K và đưa cho K 01 (một) Giấy phép lái xe số 830090001090; Hạng D, ghi ngày 20 tháng 10 năm 2014; mang tên: Trần Minh K, sinh năm 1969, nơi cư trú: Số A N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre, kèm theo bộ hồ sơ thi sát hạch. Khi nhận Giấy phép lái xe từ V đưa, K biết đây là Giấy phép lái xe giả do K đã từng học và thi cấp Giấy phép lái xe ô tô Hạng B và biết các thủ tục học và thi Giấy phép lái xe Hạng D rất khó khăn, hơn nữa K không trực tiếp tham gia học và thi cấp Giấy phép lái xe Hạng D nên biết đây là Giấy phép lái xe giả.

Sau khi có giấy phép lái xe giả K chưa sử dụng giấy phép lái xe giả Hạng D này để lái xe ô tô loại bắt buộc phải có Giấy phép lái xe Hạng D vì chưa có điều kiện. K có giấy phép Hạng B2 theo quy định, do đó từ năm 2014 K sử dụng giấy phép Hạng B2 để hành nghề tài xế. Đến ngày 16/9/2019, do Giấy phép lái xe giả hết hạn nên K trực tiếp mang hồ sơ và Giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải tỉnh B để nộp hồ sơ xin cấp mới lại với ý định khi có điều kiện sẽ dùng giấy phép lái xe giả Hạng D để lái xe ô tô phù hợp với Hạng D.

Qua kiểm tra và đối chiếu thông tin hồ sơ và Giấy phép lái xe lưu trữ trên hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý giấy phép lái xe của Sở Giao thông vận tải tỉnh B và của T3, Sở Giao thông vận tải tỉnh B phát hiện Trần Minh K không được cấp giấy phép lái xe Hạng D. Nghi ngờ Trần Minh K sử dụng hồ sơ lái xe và Giấy phép lái xe giả để xin cấp đổi giấy phép lái xe mới nên Sở Giao thông vận tải tỉnh B gửi Công văn số 2032/SGTVT-QLVT ngày 15/10/2019 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B kiến nghị khởi tố đối với Trần Minh K về tội sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức.

Quá trình điều tra, Trần Minh K khai nhận: do muốn có Giấy phép lái xe Hạng D để sử dụng nhưng không có điều kiện để đi học và thi nâng dấu Giấy phép lái xe Hạng D nên K đã nhờ người làm giả Giấy phép lái xe nói trên để sử dụng. Sau khi sử dụng một thời gian, Giấy phép lái xe hết hạn nên K mang Giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải tỉnh B để cấp đổi giấy mới.

Vật chứng tạm giữ gồm: 01 (một) Giấy phép lái xe số 830090001090; Hạng D, ghi ngày 20 tháng 10 năm 2014; mang tên: Trần Minh K, sinh năm 1969, nơi cư trú: A N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre; 01 (một) Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Biên bản sát hạch thực hành xe trong hình, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Giấy chứng nhận sức khỏe, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Chứng chỉ sơ cấp nghề, mang tên: Trần Minh K.

Tại Kết luận giám định số 327/2019/GĐTL ngày 10/12/2019 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: “Giấy phép lái xe số 830090001090; Hạng D, ghi ngày 20 tháng 10 năm 2014; mang tên: Trần Minh K, sinh năm 1969, nơi cư trú: A N, X. N, TP ., T. Bến T1 là giấy giả”.

Tại Công văn số 40/PC09 ngày 06/3/2020 của Phòng K1 Công an tỉnh B xác định: “Giấy phép lái xe số 830090001090; Hạng D, ghi ngày 20 tháng 10 năm 2014; mang tên: Trần Minh K, sinh năm 1969, nơi cư trú: A N, X. N, TP ., T2 Bến Tre được làm giả bằng phương pháp in phun màu”.

Tại Kết luận giám định số 35/2020/GĐTL ngày 20/3/2020 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận:

- Chứng chỉ sơ cấp nghề, số hiệu: 0012614, ghi ngày 22/10/2009; mang tên Trần Minh K, sinh năm 1969; nghề đào tạo: Lái xe ô tô Hạng D (ký hiệu A1) nêu tại mục II.1 được làm giả toàn phần bằng phương pháp in phun màu.

- Hình dấu tại mục Trưởng đoàn khám trên Giấy chứng nhận sức khỏe, ghi ngày 01 tháng 6 năm 2009; họ và tên: Trần Minh K, ngày tháng năm 1969; nơi cư trú: Ấp A, xã N, TX B (ký hiệu A2) nêu tại mục II.1 so với hình dấu đóng trong Biên bản thanh lý bệnh án hết hạn lưu trữ Bệnh viện B ghi ngày 30/10/2009 trong sổ thanh lý bệnh án bệnh án hết hạn từ năm 1998-2019 không phải do cùng một con dấu đóng ra (hình dấu được làm giả bằng phương pháp in phun màu).

Tại Kết luận giám định số 157/2020/GĐTL ngày 30/6/2020 của Phòng K1 Công an tỉnh B kết luận: chữ ký mang tên Phan Văn L dưới mục “ Trưởng ban” trên “ Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe” đề ngày 04/10/2009, mang họ và tên thí sinh Trần Minh K, sinh năm: 1969, nơi cư trú: Ấ, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre, số CMND: 320679509 (ký hiệu A) được in bằng phương pháp in phun màu, không phải là chữ ký trực tiếp. Chữ ký của ông Phan Văn L trên tài liệu mẫu so sánh (ký hiệu từ M1 đến M3) là chữ ký trực tiếp. Do đó, không đủ cơ sở để giám định so sánh chữ ký cần giám định trên tài liệu (ký hiệu A) và chữ ký mẫu so sánh trên tài liệu (ký hiệu từ M1 đến M3) có phải do cùng một người ký ra hay không.

Tại Công văn Số 2032/SGTVT-QLVT ngày 15/10/2019 của Sở Giao thông vận tải tỉnh B xác định Hồ sơ và Giấy phép lái xe lưu trữ trên hệ thống cơ sở dữ liệu về giấy phép lái xe của Sở và T3 thì hạng cao nhất của giấy phép lái của Trần Minh K là hạng B2.

Về xử lý vật chứng: 01 (một) Giấy phép lái xe số 830090001090; Hạng D, ghi ngày 20 tháng 10 năm 2014; mang tên: Trần Minh K, sinh năm 1969, nơi cư trú: A N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre; 01 (một) Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Biên bản sát hạch thực hành xe trong hình, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Giấy chứng nhận sức khỏe, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Chứng chỉ sơ cấp nghề, mang tên: Trần Minh K. Là giấy tờ, tài liệu liên quan đến hành vi phạm tội của K đã lưu và hồ sơ vụ án.

Quá trình điều tra, Trần Minh K đã khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của Trần Minh K phù hợp với Kết luận giám định và các chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập.

Tại Bản cáo trạng số: 85/CT-VKSND-TPBT ngày 06/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố, đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 01 năm cải tạo không giam giữ về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Bị cáo không có thu nhập ổn định và có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên nên đề nghị miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự xử phạt bổ sung bị cáo từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

Về trách xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) Giấy phép lái xe số 830090001090; Hạng D, ghi ngày 20 tháng 10 năm 2014; mang tên: Trần Minh K, sinh năm 1969, nơi cư trú: A N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre; 01 (một) Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Biên bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Biên bản sát hạch thực hành xe trong hình, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Giấy chứng nhận sức khỏe, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Chứng chỉ sơ cấp nghề, mang tên: Trần Minh K.

Bị cáo khai nhận: Bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Bị cáo không khiếu nại các hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng; phù hợp với tang vật thu giữ và các tài liệu chứng

cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Ngày 16/9/2019, Trần Minh K có hành vi sử dụng Giấy phép lái xe Hạng D giả đến Sở Giao thông vận tải tỉnh B để xin cấp đổi giấy mới thì bị bộ phận tiếp nhận hồ sơ của Sở Giao thông vận tải tỉnh B phát hiện và kiến nghị Cơ quan Điều tra Công an thành phố B, tỉnh Bến Tre khởi tố đối với Trần Minh K về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

[3] Bị cáo là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận biết được hành vi của mình bị pháp luật cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý sử dụng giấy phép lái xe giả vào mục đích trái pháp luật. Vì vậy, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre đã truy tố bị cáo về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng luật định.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, bị cáo sử dụng tài liệu giả của cơ quan tổ chức thực hiện hành vi trái pháp luật làm giảm lòng tin của người dân đối với cơ quan, tổ chức, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn bị cáo thực hiện tội phạm, gây tâm lý lo sợ cho quần chúng nhân dân trong lao động, sinh hoạt hằng ngày.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Về nhân thân, bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: “Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”, “Người phạm tội thành khẩn khai báo” và “Bị cáo có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên” theo quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Căn cứ vào nhân thân, tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi bị cáo gây ra, thấy rằng bị cáo có nhân thân tốt, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần cách ly bị cáo khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương kết hợp cùng với gia đình quản lý cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và cũng thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với bị cáo.

Về khẩu trừ thu nhập: bị cáo có mức thu nhập không ổn định và bị cáo có nghĩa vụ nuôi con chưa thành niên nên không khấu trừ thu nhập của các bị cáo.

[6] Về hình phạt bổ sung: với tính chất của hành vi phạm tội thì việc áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là cần thiết nên áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự xử phạt bổ sung là phạt tiền để nộp Ngân sách Nhà nước đối với bị cáo là cần thiết.

[7] Về xử lý vật chứng: Lưu hồ sơ vụ án 01 (một) Giấy phép lái xe số 830090001090; Hạng D, ghi ngày 20 tháng 10 năm 2014; mang tên: Trần Minh K, sinh năm 1969, nơi cư trú: A N, xã N, thành phố B, tỉnh Bến Tre; 01 (một) Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Biên

bản tổng hợp kết quả sát hạch lái xe, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Biên bản sát hạch thực hành xe trong hình, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Giấy chứng nhận sức khỏe, mang tên: Trần Minh K; 01 (một) Chứng chỉ sơ cấp nghề, mang tên: Trần Minh K.

[8] Kiến nghị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiến hành xác minh làm rõ đối tượng cung cấp giấy tờ giả cho bị cáo để xử lý theo quy định pháp luật.

[9] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là phù hợp nên được chấp nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo phải nộp theo quy định Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Trần Minh K phạm tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 341; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Trần Minh K xử phạt 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo.

Giao bị cáo Trần Minh K về cho Ủy ban nhân xã H, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh phối hợp cùng với gia đình của bị cáo giám sát giáo dục Trần Minh K trong thời gian cải tạo không giam giữ. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 100 của Luật thi hành hình sự năm 2019.

Miễn khấu trừ thu nhập đối với bị cáo Trần Minh K.

2. Áp dụng khoản 4 Điều 341 Bộ luật Hình sự xử phạt bổ sung bị cáo số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng để nộp Ngân sách Nhà nước.

3. Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo Trần Minh K phải nộp là 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- VKSND thành phố Bến Tre (1b);
- Cơ quan điều tra CATP Bến Tre (1b);
- Cơ quan THAHS CATP Bến Tre (1b);
- Chi cục THA dân sự thành phố Bến Tre (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã Nhơn Thạnh, TPBT(1b);
- UBND X.Hung Long, H.Bình Chánh, TPHCM(1b)
- Bị cáo (1b);
- Bộ phận thi hành án Hình sự (3b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

Ngô Văn Trình